

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
cho Quý 1 năm 2023



MỤC LỤC

	Trang
Bảng cân đối kế toán	2 - 3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	5
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	6- 18

CÔNG TY CP KHANG MINH GROUP

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		160.261.800.619	163.592.899.756
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		56.547.761.461	50.081.966.316
1. Tiền	111	V.01	56.547.761.461	50.081.966.316
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		93.297.818.131	103.512.407.084
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03a	84.156.199.752	96.319.730.796
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03b	6.999.141.817	6.999.141.817
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	2.142.476.562	193.534.471
IV. Hàng tồn kho	140		842.526.000	842.526.000
1. Hàng tồn kho	141	V.05	842.526.000	842.526.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.573.695.027	9.156.000.356
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08a	561.534.102	97.653.889
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.080.873.125	1.074.185.215
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	7.931.287.800	7.984.161.252
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		247.189.163.489	248.455.305.125
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		45.000.000.000	45.000.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		45.000.000.000	45.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		32.231.161.230	33.033.676.818
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	32.231.161.230	33.033.676.818
- Nguyên giá	222		55.579.578.853	55.579.578.853
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(23.348.417.623)	(22.545.902.035)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227		0	0
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		579.863.861	579.863.861
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.06	579.863.861	579.863.861

CÔNG TY CP KHANG MINH GROUP

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	156.844.183.172	156.844.183.172
1. Đầu tư vào công ty con	251		153.844.183.172	153.844.183.172
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.000.000.000	3.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.533.955.226	12.997.581.274
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08b	12.533.955.226	12.997.581.274
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		407.450.964.108	412.048.204.881
NGUỒN VỐN			0	0
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		114.054.491.141	118.607.366.549
I. Nợ ngắn hạn	310		70.804.491.141	69.607.366.549
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10a	31.798.099.079	31.894.390.577
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10b	151.876.475	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	11.243.738.496	11.203.674.568
4. Phải trả người lao động	314		0	156.249.400
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.018.355.867	1.979.205.072
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1.693.687.358	1.473.846.932
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09a	22.898.733.866	22.900.000.000
II. Nợ dài hạn	330		43.250.000.000	49.000.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.09b	43.250.000.000	49.000.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.13	293.396.472.967	293.440.838.332
I. Vốn chủ sở hữu	410		293.396.472.967	293.440.838.332
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		261.952.400.000	238.139.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		261.952.400.000	238.139.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.466.059.091	8.556.059.091
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.978.013.876	46.745.779.241
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		22.932.379.241	0
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45.634.635	46.745.779.241
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		407.450.964.108	412.048.204.881

Hà Nam, ngày 18 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu



Hoàng Thị Hải Yến

Kế toán trưởng



Lê Văn Tùng



Chủ tịch HĐQT

Đặng Việt Lê

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 1 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2023	Quý 1/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.445.172.000	17.618.089.161
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.445.172.000	17.618.089.161
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	185.010.989	12.855.246.103
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.260.161.011	4.762.843.058
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.997.271.023	14.003.533.568
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	1.858.154.205	4.062.614.037
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.858.154.205	4.062.614.037
8. Chi phí bán hàng	25	VI.07a	276.333.825	618.977.080
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07b	733.882.307	843.982.049
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		389.061.697	13.240.803.460
11. Thu nhập khác	31	VI.05		12.648.273
12. Chi phí khác	32	VI.06	317.742.403	33.634.149
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(317.742.403)	(20.985.876)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		71.319.294	13.219.817.584
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	25.684.659	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		45.634.635	13.219.817.584
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Người lập biểu



Hoàng Thị Hải Yến

Kế toán trưởng



Lê Văn Tùng



CÔNG TY CP KHANG MINH GROUP

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ-Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		13.760.590.269	17.042.607.266
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(448.423.198)	(26.470.376.403)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(409.840.751)	(435.868.093)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(621.743.137)	(999.683.127)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06			17.641.438.752
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(63.521.904)	(1.640.588.626)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.217.061.279	5.137.529.769
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			9.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			9.000.000.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			18.675.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.751.266.134)	(46.764.500.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.751.266.134)	(28.089.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		6.465.795.145	(13.951.970.231)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		50.081.966.316	14.955.832.388
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		56.547.761.461	1.003.862.157

Người lập biểu



Hoàng Thị Hải Yến

Kế toán trưởng



Lê Văn Tùng

Hà Nam, ngày 18 tháng 04 năm 2023


 Chủ tịch HĐQT

KHANG MINH

MSN: 07005150

Đặng Việt Lê

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, Kinh Doanh vật liệu xây dựng.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là Kinh doanh các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, cho thuê xưởng

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 31/03/2023
- Công ty CP đá thạch anh Khang Minh	Thôn Tân Lâm, trị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	99,64%
- Công ty CP Nhôm Khang Minh	KCN Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	51,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 12 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 12 năm

CÔNG TY CP KHANG MINH GROUP

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
- TSCĐ hữu hình khác	05 – 08 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CP KHANG MINH GROUP

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của thành phẩm bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/03/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	56.547.761.461	50.081.966.316
Cộng	<u>56.547.761.461</u>	<u>50.081.966.316</u>

CÔNG TY CP KHANG MINH GROUP
 KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phú Lý, tỉnh Hà Nam
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính	31/03/2023		01/01/2023					
	Diễn giải	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng
a, Đầu tư vào công ty con				153.844.183.172			153.844.183.172	
- Công ty TNHH Khang Minh conslab Thạch Anh	99,64%	99,64%	99,64%	130.894.183.172	99,64%	99,64%	130.894.183.172	
- Công ty CP nhóm Khang Minh	51,00%	51,00%	51,00%	22.950.000.000	51,00%	51,00%	22.950.000.000	
b, Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				3.000.000.000			3.000.000.000	
Công ty cổ phần đầu tư HG				2.000.000.000			2.000.000.000	
Công ty cp công nghệ internet Chiếc Ô xanh				1.000.000.000			1.000.000.000	
Cộng				156.844.183.172			156.844.183.172	

CÔNG TY CP KHANG MINH GROUP

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**03. Phải thu của khách hàng**

	31/03/2023	01/01/2023
<i>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	84.156.199.752	96.319.730.796
<i>b. Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	6.999.141.817	6.999.141.817
Tổng	91.155.341.569	103.318.872.613

04. Các khoản phải thu khác

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Ngắn hạn</i>	2.142.476.562		193.534.471	
- Tạm ứng				
- Phải thu khác	2.142.476.562		193.534.471	
<i>b. Dài hạn</i>				
Cộng	2.142.476.562		193.534.471	

05. Hàng tồn kho

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu				
- Hàng hóa	842.526.000		842.526.000	
- Thành phẩm				0
Cộng	842.526.000		842.526.000	

06. Tài sản dở dang dài hạn

	31/03/2023	01/01/2023
- XDCB dở dang khác	579.863.861	579.863.861
Cộng	579.863.861	579.863.861

CÔNG TY CP KHANG MINH GROUP
 KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phú Lý, tỉnh Hà Nam
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						
I. Nguyên giá	48.015.440.438	2.660.607.980	3.599.122.727	663.735.845	640.671.863	55.579.578.853
Số đầu kỳ						0
- Mua trong kỳ						0
- Đầu tư XDCB hoàn thành						0
- Tăng khác						0
- Tăng do hợp nhất Công ty con						0
- Thanh lý, nhượng bán						0
- Giảm khác						0
Số dư cuối kỳ	48.015.440.438	2.660.607.980	3.599.122.727	663.735.845	640.671.863	55.579.578.853
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	16.252.374.444	2.660.607.980	2.743.774.605	309.514.055	579.630.951	22.545.902.035
- Khấu hao trong kỳ	669.636.051	-	100.910.085	24.097.056	7.872.396	802.515.588
- Tăng khác						0
- Tăng do hợp nhất Công ty con						0
- Thanh lý, nhượng bán						0
- Giảm khác						0
Số dư cuối kỳ	16.922.010.495	2.660.607.980	2.844.684.690	333.611.111	587.503.347	23.348.417.623
III. Giá trị còn lại	31.093.429.943	0	754.438.037	330.124.734	53.168.516	32.231.161.230
1. Tại ngày đầu kỳ	31.763.065.994	0	855.348.117	354.221.795	61.040.912	33.033.676.818
2. Tại ngày cuối kỳ	31.093.429.943	0	754.438.037	330.124.734	53.168.516	32.231.161.230

CÔNG TY CP KHANG MINH GROUP
 KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí trả trước

	31/03/2023	01/01/2023
a. Ngắn hạn	561.534.102	97.653.889
b. Dài hạn	12.533.955.226	12.997.581.274
Cộng	13.095.489.328	13.095.235.163

Đơn vị tính: VND

09. Vay và nợ thuê tài chính

	Số trong kỳ			31/03/2023		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
a. Vay ngắn hạn	22.900.000.000	22.900.000.000	0	1.266.134	22.898.733.866	22.898.733.866
+ Ngân hàng MSB	12.900.000.000	12.900.000.000	0	1.266.134	12.898.733.866	12.898.733.866
+ CTCP Đá Thạch Anh Khang Minh	10.000.000.000	10.000.000.000	0	0	10.000.000.000	10.000.000.000
b. Vay trung hạn và dài hạn	49.000.000.000	49.000.000.000	0	5.750.000.000	43.250.000.000	43.250.000.000
- Phát hành Trái Phiếu	71.900.000.000	71.900.000.000	0	5.751.266.134	66.148.733.866	66.148.733.866
Cộng						

CÔNG TY CP KHANG MINH GROUP
 KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phú Lý, tỉnh Hà Nam
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Phải trả người bán

	31/03/2023	01/01/2023
	Giá trị	Giá trị
	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	31.798.099.079	31.894.390.577
b. Người mua trả tiền trước	151.876.475	0
Cộng	31.949.975.554	31.894.390.577

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế GTGT đầu ra	4.584.658.577				4.584.658.577
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu		25.684.659			6.425.609.472
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		14.379.269			233.470.447
- Thuế thu nhập cá nhân		52.873.452		7.931.287.800	
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	7.984.161.252				
- Phí, lệ phí và các khoản khác		3.000.000	3.000.000		
Cộng	7.984.161.252	11.203.674.568	3.000.000	7.931.287.800	11.243.738.496



CÔNG TY CP KHANG MINH GROUP

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/03/2023	01/01/2023
a. Ngắn hạn	1.693.687.358	1.473.846.932
- Đoàn Phí CĐ	861.598.743	860.920.632
- Bảo hiểm xã hội	70.464.648	48.562.606
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	761.623.967	564.363.694
b. Dài hạn	0	0
Cộng	1.693.687.358	1.473.846.932

13. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2022	238.139.000.000	8.556.059.091	22.510.984.722	269.206.043.813
Tăng vốn trong năm trước				0
Lãi trong năm trước			24.234.794.519	24.234.794.519
Tăng khác				0
Số dư ngày 31/12/2022	238.139.000.000	8.556.059.091	46.745.779.241	293.440.838.332
Số dư ngày 01/01/2023				
Tăng trong kỳ	23.813.400.000		45.634.635	23.859.034.635
Chi phí phát hành tăng vốn		(90.000.000)		(90.000.000)
Phân phối lợi nhuận			(23.813.400.000)	(23.813.400.000)
Số dư ngày 31/03/2023	261.952.400.000	8.466.059.091	22.978.013.876	293.396.472.967

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2023 VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
- Ông Đặng Việt Lê	28.030.640.000	10,70%	25.482.400.000	10,70%
- CTCP chứng khoán APG	52.048.700.000	19,87%	47.317.000.000	19,87%
- Cổ đông khác	181.873.060.000	69,43%	165.339.600.000	69,43%
Cộng	261.952.400.000	100%	238.139.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/03/2023	01/01/2023
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	238.139.000.000	238.139.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	23.813.400.000	
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	261.952.400.000	238.139.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

CÔNG TY CP KHANG MINH GROUP

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	23.813.400.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm này	

d. Cổ phiếu

	<u>31/03/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.195.240	23.813.900
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.195.240	23.813.900
+ Cổ phiếu phổ thông	26.195.240	23.813.900
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.195.240	23.813.900
+ Cổ phiếu phổ thông	26.195.240	23.813.900
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.445.172.000	17.618.089.161
Cộng	1.445.172.000	17.618.089.161

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	185.010.989	12.855.246.103
Cộng	185.010.989	12.855.246.103

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.997.271.023	248.498.831
Cổ tức nhận Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh		13.755.034.737
Cộng	1.997.271.023	14.003.533.568

04. Chi phí tài chính

CÔNG TY CP KHANG MINH GROUP

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
- Lãi tiền vay	1.858.154.205	4.062.614.037
Cộng	1.858.154.205	4.062.614.037

05. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
- Thu nhập khác		12.648.273
Cộng	0	12.648.273

06. Chi phí khác

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý		
- Lãi nộp chậm bảo hiểm	202.486	27.536.729
- Phạt chậm nộp thuế		6.097.420
- Chi phí khác	317.539.917	
Cộng	317.742.403	33.634.149

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	276.333.825	618.977.080
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	733.882.307	843.982.049
Cộng	1.010.216.132	1.462.959.129

08. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	25.684.659	0
Cộng	25.684.659	

09. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

CÔNG TY CP KHANG MINH GROUP

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Chi phí nhân viên quản lý	290.348.287	402.989.700
Chi phí dụng cụ, đồ dung, nguyên vật liệu	5.524.500	10.926.504.075
Chi phí khấu hao TSCĐ	432.493.610	644.797.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	328.548.053	220.851.028
Chi phí bằng tiền khác	138.312.671	857.924.383
Cộng	1.195.227.121	13.053.067.124

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 03 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Ban lãnh đạo, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	412.195.800	477.025.625
Cộng	412.195.800	477.025.625

Hà Nam, ngày 18 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu

Hoàng Thị Hải Yến

Kế toán trưởng

Lê Văn Tùng

Chủ tịch HĐQT



Đặng Việt Lê

